

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Chuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2020 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T - Sinh năm 1970.

Trú tại: Số nhà 758/5/2/7 H, phường 10, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Chị Vũ Thị H - Sinh năm 1974.

Trú tại: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh T và chị H vắng mặt (Anh T, chị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn và Bản tự khai, nguyên đơn là anh Phạm Văn T trình bày:*

Anh kết hôn với chị Vũ Thị H vào ngày 23/6/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND phường 10, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ ngày 15/6/2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt dẫn đến vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa. Chị H đã đưa con về sống ở quê ngoại tại xã P, huyện T, tỉnh Nam Định từ năm 2014. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh làm đơn xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Vũ Anh K, sinh ngày 15/4/2011 hiện nay cháu đang ở với chị H. Anh và chị H thống nhất: Chị H nuôi dưỡng con chung và anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai, bị đơn là chị Vũ Thị H trình bày:*

Chị xác nhận về thời gian kết hôn, về con chung đúng như anh T trình bày. Theo chị, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường xuyên chơi bời, không chăm lo đến gia đình, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay anh T có đơn xin ly hôn, chị cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung chị nhận nuôi dưỡng con chung Phạm Vũ Anh K, sinh ngày 15/4/2011 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về tình cảm: Anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn với chị Vũ Thị H vào ngày 23/6/2010 tại UBND phường 10, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Từ năm 2014 vợ chồng đã sống ly thân. Đến nay anh T và chị H đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau được. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của anh T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Vũ Anh K, sinh ngày 15/4/2011. Anh T và chị H đều thống nhất về việc giao con chung là Phạm Vũ Anh K cho chị H nuôi dưỡng. Chị H có ý kiến không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét ý kiến của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung; HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự về việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản, công nợ: Vợ chồng đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**1.** Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị H.

**2.** Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H nuôi dưỡng con chung là Phạm Vũ Anh K, sinh ngày 15/4/2011. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

**3.** Án phí: Anh Phạm Văn T nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001409 ngày 29/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã P;
- UBND phường 10, quận 8, TPHCM ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Bùi Văn Dũng**